

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2019/HS-ST

Ngày 24/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông A Lăng Ping.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Lăng Vượt; Ông Trần Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Linh Giang, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Hôm nay vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Hùng Văn B, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1989 tại huyện K, tỉnh N; Nơi cư trú tại: Bản L, xã C, huyện K, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn lớp 0/12; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hùng Văn X và bà Moong Thị L, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ tên là A H (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con (sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/6/2019 sau đó chuyển sang tạm giam. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hùng Văn B: Bà Ngô Thị D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị hại: Ông Lương Văn T, sinh năm 1975; Nơi cư trú tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh N. Có mặt.

- Người phiên dịch cho bị hại Lương Văn T: Ông Mong Văn V, sinh năm 1977; Nơi cư trú tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh N. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lương Văn M, sinh năm 1990; Trú tại thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Pơ Loong T1, sinh năm 1991; trú tại thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

Ông Pơ Loong T2, sinh năm 1964; trú tại thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 04 tháng 6 năm 2019, Hùng Văn B và Lương Văn T cùng nhau làm thịt vịt để ăn tại nhà ông Lương Văn M. Trong lúc làm thịt vịt, Lương Văn T và Hùng Văn B có lời qua tiếng lại về việc ông T không muốn Hùng Văn B theo ông T để làm việc, sau đó B đi qua sân nhà bên cạnh để ngồi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, cũng tại nhà ông Lương Văn M, T và B bắt đầu dọn thức ăn lên để uống rượu, lúc này có Pơ Loong T1 đến ngồi nhậu cùng (Lương Văn M lúc này đi đánh bi-a nên không có nhà). Sau khi nhậu được khoảng một tiếng, uống gần hết một lít rượu thì T và B có lời qua tiếng lại, T nói với B “Mày nghèo đi theo tao làm gì”, B tiếp lời “Nghèo mới đi làm chứ chú, chú nói ít thôi, nói nhiều mất lòng nhau, lớn rồi”. T và B tiếp tục nói qua lại bằng tiếng đồng bào Khơ Mú về nội dung này. Sau đó B đứng dậy và nói “Không nhậu nữa”, T đứng dậy, chỉ tay vào mặt B nói “Đm thằng này” và đứng dậy dùng tay phải đánh vào sau gáy và bả vai B. B cảm thấy hơi đau, dùng tay xoa vào chỗ T vừa đánh và đi thẳng xuống bếp nhà Lương Văn M đi tìm hung khí đánh T. Khi xuống bếp, B nhìn xung quanh không thấy gì, rồi chợt nhớ lúc chiều có dùng dao làm thịt vịt và để dao ở chỗ đóng củi, nên đi lại đóng củi tìm dao. Khoảng 02 phút sau, B cầm dao bằng tay phải đi lên chỗ ngồi nhậu trên nhà, lúc này nhìn thấy T đã ngồi xuống nhậu và nói chuyện với T1 nên B nguôi giận nhưng vẫn cầm dao đứng đó, B suy nghĩ nếu T còn đánh B thì B sẽ chém. Khoảng một phút sau T nói đó B chém T, nghe vậy B liền cầm con dao bằng tay phải chém vào phía người T theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, T giơ tay phải lên đỡ nhát chém của B nên bị thương ở cẳng tay phải. Lúc này, Pơ Loong T1 vào can ngăn B, T1 ôm B từ phía sau lưng, giữ tay B lại nhưng B và T vẫn xông vào nhau, B chĩa mũi dao quơ về phía T, mũi dao trúng vào môi của T làm cho T bị thương ở môi. Sau đó, T1 quật ngã B xuống nền đất và vớt giấu con dao xuống dưới nhà bếp Lương Văn M. Lương Văn T được Lương Văn M và Pơ Loong T2 đưa đi cấp cứu. Đến

khoảng 20 giờ cùng ngày Hùng Văn B đến Công an xã Tà Bhing để đầu thú về hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) con dao dài 40cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5cm.

Tại bản giám định thương tích số 166/GĐTT.19 ngày 06/6/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam đối với Lương Văn T xác định thương tích chi tiết: Ngang qua môi dưới có vết rách niêm mạc đã khâu dài 3cm, rộng 0,1cm; mặt sau ngoài đoạn 1/3 dưới cẳng tay phải có vết rách da cơ và vết mổ đã khâu tạo thành hình chữ T, cạnh ngang vết rách da cơ dài 6cm, rộng 0,1cm, mép vết rách gọn; cạnh dọc (vết mổ) dài 1,5cm, rộng 0,1cm. Tổng tỷ lệ thương tích hiện tại là 12%. (mười hai phần trăm).

Tại bản Cáo trạng số 14/CTr-VKS ngày 20/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Hùng Văn B về tội “Cố ý gây thương tích cho người khác” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nam Giang thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và qua xem xét tính chất của vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX): Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 06 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao dài 40cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5cm.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại T yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng y), bị cáo chấp nhận theo mức yêu cầu bồi thường của bị hại. Đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 65 BLHS xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không bổ sung ý kiến bào chữa gì, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; Xét thấy việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên căn cứ vào các Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án. Đồng thời, người bị hại ông Lương Văn T nghe và nói Tiếng Việt không chuẩn và không rõ; ông T đề nghị HĐXX cho phép ông Moong Văn V (sinh năm 1977; Nơi cư trú tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh N; Dân tộc: Khơ Mú) phiên dịch cho ông T. Căn cứ vào các Điều 70 và 295 Bộ luật tố tụng hình sự; HĐXX chấp nhận và cử ông Moong Văn V phiên dịch cho bị hại Lương Văn T tại phiên tòa.

[2]. Về tội danh và định khung hình phạt:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. HĐXX xác định được:

Vào khoảng 17 giờ, ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại nhà ông Lương Văn M thuộc thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Q, bị cáo Hùng Văn B, cùng bị hại Lương Văn T, ông Pơ Loong T1 ngồi nhậu với nhau. Trong lúc nhậu giữa bị cáo và ông T có lời qua tiếng lại xích mích với nhau, do bị ông T nói, chửi bị cáo nhiều quá nên bị cáo không uống nữa, đứng dậy đi ra ngoài, thì liền bị ông T dùng tay đánh bị cáo vào gáy và lưng, cảm thấy hơi đau, bị cáo đi xuống bếp tìm hung khí để đánh trả và chợt nhớ đến con dao làm vệt lúc chiều. Khoảng 02 phút sau, bị cáo cầm con dao làm thịt vệt đi đến chỗ nhậu, thấy ông T đang ngồi nhậu và nói chuyện với ông T1 nên bị cáo nguôi giận và đứng đó. Đến khoảng 01 phút sau, ông T thấy bị cáo trên tay có cầm dao thì nói thách bị cáo chém ông T, nên bị cáo B cầm dao chém vào người ông T theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, ông T lấy tay phải đỡ nên bị chém trúng vào tay phải gây thương tích. Thấy vậy, ông Pơ Loong T1 liền vào can ngăn và ôm giữ tay bị cáo lại, nhưng bị cáo và ông T vẫn xông vào nhau, bị cáo chĩa mũi dao quơ về phía ông T, mũi dao trúng vào môi của ông T làm cho ông T bị thương ở môi. Sau đó, ông T1 quật ngã bị cáo xuống nền đất và vớt giấu con dao xuống dưới nhà bếp ông M. Ông T được ông M và ông T2 đưa đi cấp cứu. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày bị cáo đến Công an xã Tà Bhing để đầu thú về hành vi của mình.

Theo bản kết luận giám định thương tích số 166/GĐTT.19 ngày 06/6/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam đối với Lương Văn T xác định

thương tích chi tiết: Ngang qua môi dưới có vết rách niêm mạc đã khâu dài 3cm, rộng 0,1cm; mặt sau ngoài đoạn 1/3 dưới cẳng tay phải có vết rách da cơ và vết mổ đã khâu tạo thành hình chữ T, cạnh ngang vết rách da cơ dài 6cm, rộng 0,1cm, mép vết rách gọn; cạnh dọc (vết mổ) dài 1,5cm, rộng 0,1cm. Tổng tỷ lệ thương tích hiện tại là 12%. (mười hai phần trăm); Và tại văn bản số 107/GĐPY ngày 27/9/2019 Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam xác định *Vết thương do vật sắc cạnh gây nên*.

Bị cáo là người đã trưởng thành, không bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, đã cố ý dùng dao (hung khí nguy hiểm) gây thương tích tổn hại sức khỏe của người khác với tỷ lệ thương tích 12%. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích cho người khác”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng truy tố và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, coi thường sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh địa phương. HĐXX xét thấy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới có tính răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo nộp số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng y*) để khắc phục một phần hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi là có dùng tay đánh vào gáy và bả vai của bị cáo nên bị cáo mới dùng dao chém bị hại, bị cáo lần đầu phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 và các tình tiết khác quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS, nên HĐXX áp dụng thêm Khoản 1 Điều 54 BLHS để xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Lương Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng y*). Mặc dù, người bị hại không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường, nhưng bị cáo tự nguyện đồng ý chấp nhận bồi thường cho bị hại ông T số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng y*). Xét thấy, bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về vấn đề dân sự và sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về trách nhiệm dân sự. Bị cáo đã bồi thường trước cho bị hại số

tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng y*), vậy bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền (30.000.000 đồng – 500.000 đồng) = 29.500.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng y*).

[6]. Về vật chứng: 01 (một) con dao dài 40cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 5cm, là công cụ bị cáo dùng phạm tội. Trong hồ sơ vụ án thể hiện, con dao là tài sản của ông Lương Văn M, nhưng ông M có ý kiến không nhận lại con dao và đề nghị tiêu hủy. HĐXX xét thấy, ông M tự nguyện không nhận lại con dao và đề nghị tịch thu tiêu hủy. Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS, nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[7]. Xét về ý kiến của người bào chữa: Thống nhất toàn bộ với ý kiến luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điểm khoản điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo; tuy nhiên người bào chữa có đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo. HĐXX xét thấy, chỉ xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong lúc nhậu nhẹt, bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm là con dao chém người bị hại T (người đồng hương, người đi làm ăn chung với bị cáo) gây thương tích, thể hiện sự hung hăng và coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian mới có tính răn đe, giáo dục bị cáo, làm gương cho những người khác. Do đó, HĐXX không chấp nhận áp dụng thêm Điều 65 BLHS cho bị cáo là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo Hùng Văn B là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. HĐXX xét miễn nộp tiền toàn bộ án phí sơ thẩm đối với bị cáo B là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hùng Văn B phạm tội “Cố ý gây thương tích cho người khác”.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 BLHS.

Xử phạt bị cáo Hùng Văn Bình 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 05/6/2019.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam bị cáo B, trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Hùng Văn B và bị hại ông Lương Văn T về trách nhiệm dân sự. Bị cáo B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông T số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng y*). Bị cáo đã bồi thường trước cho bị hại số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng y*), vậy bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 29.500.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng y*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền tương ứng còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 của BLTTHS.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài 40cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 5cm. (Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Giang theo Quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-VKS ngày 20/9/2019 của VKSND huyện Nam Giang).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm đối với bị cáo Hùng Văn B.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an tỉnh Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

A Lăng Ping